

Số: /KL-SLĐTBXH

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của Pháp luật Lao động, Bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/3/2023 của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của Pháp luật Lao động, Bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh.

Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 12/5/2022, Đoàn thanh tra tiến hành làm việc trực tiếp với Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh và một số cá nhân có liên quan.

Thời kỳ thanh tra 01/01/2022 đến thời điểm công bố Quyết định thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 26/5/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Năm thành lập: 2017.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp: 0801235451 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp; đăng ký lần đầu ngày 22/12/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 09/12/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8545788716 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh chứng nhận lần đầu ngày 25/8/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 25/9/2020.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: Sản xuất bao Jumbo, Sling, túi PP nhỏ chất lượng cao.
- Điện thoại giao dịch: (0220)3896968.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: KCN Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP Hải Dương.
- Số tài khoản, tên, địa chỉ của các Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch:

(VND): 19032937095996, tên tài khoản: Công ty cổ phần nhựa bao bì An Vinh, tên ngân hàng: Techcombank- CN Hải Dương

- Tổ chức công đoàn cơ sở: CĐCS Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh, số Quyết định 10/QĐ-CD ngày 14/01/2020.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp: 624 người, trong đó nữ 226 người.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động: Doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Việc ủy quyền giao kết hợp đồng lao động (ghi rõ chức danh người được ủy quyền, văn bản ủy quyền nếu có): Ông Nguyễn Danh Tài – Là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh thực hiện ủy quyền ký kết hợp đồng lao động cho ông Nguyễn Đình Phong - Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh theo Giấy ủy quyền số 011201/2019/UQ-TGD/AVP ngày 01/12/2019.

- Số lao động tuyển mới từ ngày 01/01/2022 đến nay: 465 người.

- Hình thức và phương thức tuyển, quy chế tuyển dụng lao động: Doanh nghiệp tự tuyển dụng, đã xây dựng quy trình tuyển dụng và đào tạo.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc người lao động để đảm bảo thực hiện Hợp đồng lao động.

- Không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề: Doanh nghiệp đã xây dựng.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; học nghề, tập nghề (nếu có): Doanh nghiệp ký kết hợp đồng đào tạo nghề đối với lao động sản xuất trực tiếp .

- Doanh nghiệp thử việc 06 ngày đối với công nhân, 60 ngày đối với các vị trí công việc có yêu cầu trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở lên.

-Tiền lương thời gian thử việc: tiền lương đối với lao động ký kết HĐ doanh nghiệp chi trả bằng 85% mức lương khi ký HĐLĐ chính thức.

3. Thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính đến hết tháng 02/2023)

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 0 lao động.
- Số người thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 520 lao động.
- Số người đã ký kết hợp đồng lao động. Chia ra:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 510 lao động.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng: 10 lao động.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: 0 lao động.
 - + Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 03 tháng: 0 lao động.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 lao động.
- Số người chưa được ký kết hợp đồng lao động, lý do: 104 lao động (đang trong thời gian ký hợp đồng đào tạo nghề, thử việc).
- Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: 0 lao động.

- Trình tự ký kết HĐLĐ: Sau khi kết thúc thời gian thử việc

- + Đối với lao động gián tiếp: doanh nghiệp và người lao động thực hiện thỏa thuận và ký kết HĐLĐ có thời hạn 01 năm khi hết hạn hợp đồng đã gia hạn thì ký hợp đồng không xác định thời hạn đối với người lao động.

+ Đối với lao động trực tiếp: doanh nghiệp và người lao động thực hiện thỏa thuận và ký kết HĐLĐ không xác định thời hạn.

Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung HĐLĐ, doanh nghiệp thực hiện ký kết phụ lục HĐLĐ.

- Số người lao động thuê lại; doanh nghiệp cho thuê lại lao động (nếu có): Không có.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01/01/2022 đến nay; số người được trả trợ cấp mất việc làm (nếu có, kèm theo danh sách): Không có.

- Số lao động thôi việc từ 01/01/2022 đến nay; việc trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thôi việc đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc: Đã chi trả cho 22 người lao động thôi việc đủ điều kiện được hưởng trợ cấp thôi việc, cụ thể: Năm 2022 có 20 lao động chi trả trợ cấp thôi việc, năm 2023 có 02 người được chi trả trợ cấp thôi việc, tổng số tiền chi trả 26.300.842 triệu đồng.

4. Thỏa ước lao động tập thể (TƯLĐTT)

- Thực hiện đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc: Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ theo Nghị định 145/NĐ-CP. Đã thực hiện tổ chức đối thoại định kỳ (1 lần/năm), hội nghị người lao động năm 2022, có lưu biên bản đối thoại tại đơn vị.

- Thực hiện tổ chức thương lượng tập thể: Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể theo quy định.

- Xây dựng, ký kết và gửi TULĐTT; sửa đổi, bổ sung TULĐTT: Doanh nghiệp đã ký thỏa ước lao động tập thể năm 2021 và gửi đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định. Có thực hiện lấy ý kiến tập thể người lao động và lưu biên bản tại đơn vị.

- Những nội dung cơ bản của TULĐTT : Tiền lương, tiền thưởng, bữa ăn ca 22.000 đồng/suất, các khoản phụ cấp, các khoản hỗ trợ (xăng xe, điện thoại, nhà ở,...) và các khoản phúc lợi khác nhân các ngày lễ, tết, hiếu, hi, sinh nhật; các điều kiện, phương tiện hoạt động của công đoàn cơ sở,...

5. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8h/ ngày, 48h/tuần. Ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 7, ngày nghỉ hàng tuần là ngày chủ nhật.

- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi: Nghỉ từ 30 phút, 45 phút và 60 phút theo từng ca và từng đối tượng làm việc; Người lao động được nghỉ khoảng 15 - 20 phút nghỉ ăn bữa phụ ở bộ phận may, cắt, dệt, sợi.

- Trình tự, thủ tục làm thêm giờ: Công ty xây dựng quy trình làm thêm giờ, quản lý giờ làm việc ban hành ngày ngày 04 tháng 09 năm 2021 trong đó quy định cụ thể về việc làm thêm giờ của công ty.

Việc thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương: Công ty thực hiện việc nghỉ lễ, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định và được thể hiện trên nội quy của công ty và bảng chấm công.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường: 12 ngày/ năm; lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Nặng nhọc là 14 ngày/năm, đặc biệt nặng nhọc độc hại: 16 ngày/năm.

6. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.160.000 đồng

- Các loại phụ cấp đang áp dụng: Phụ cấp chức vụ 300.000 đồng/tháng, 500.000 đồng/tháng, phụ cấp thu hút theo chức danh công việc: 50.000 đồng/tháng, 70.000 đồng/tháng, 100.000 đồng/tháng cho từng chức danh công việc vụ thể .

- Các khoản bổ sung khác được trả hàng tháng vào lương cho người lao động: Không.

- Các khoản hỗ trợ: Mức hỗ trợ thấp nhất xăng xe: 100.000 đồng/ người/ tháng, nhà ở: 100.000 đồng/người/tháng, điện thoại: 100.000 đồng/người/tháng.

- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân: Cao nhất là 15.500.000 đồng, thấp nhất là 4.501.200 đồng, bình quân là 4.691.000 đồng.

- Phương pháp trả lương: Trả lương qua tài khoản ngân hàng. Chi phí liên quan đến duy trì tài khoản của người lao động do người lao động chi trả.

- Hình thức trả lương công ty đang áp dụng là trả lương theo lương theo thời gian đối với tất cả người lao động.

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động: Công ty đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và công bố công khai tại nơi làm việc trước khi thực hiện theo quyết định số 290601/2022/QĐ-TGD/AVP ngày 29 tháng 06 năm 2022 và quyết định số 121201/2019/QĐ-TGD/AVP ngày 12 tháng 12 năm 2019.

- Xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng: Đã xây dựng quy chế lương ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2020.

- Tiền thưởng trả vào lương hàng tháng gồm: thưởng theo quyết định và thưởng theo chất lượng công việc. Trong đó thưởng theo chất lượng công việc và được xác định theo điểm số cho từng vị trí.

- Tiền lương làm thêm giờ ngày thường: 150% mức tiền lương giờ làm việc bình thường, làm thêm giờ vào ban đêm: 210% mức tiền lương giờ làm việc bình thường, làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần là 200% mức tiền lương giờ làm việc bình thường, làm thêm giờ vào đêm ngày nghỉ hàng tuần là 270% mức tiền lương giờ làm việc bình thường, làm thêm vào ngày lễ ngày tết là 400% mức tiền lương giờ làm việc bình thường, làm thêm vào đêm ngày kể, tết là 390% mức tiền lương giờ làm việc bình thường.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm: Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22h đến 06h sáng ngày hôm sau và được tính bằng (tiền lương của giờ làm việc ban ngày *130%) * Số giờ làm việc ban đêm.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc nghỉ chưa hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động: Trường hợp người lao động không nghỉ hết phép năm công ty thỏa thuận với người lao động nghỉ gộp cộng dồn không quá 03 năm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm (nếu có): Không có

- Việc khấu trừ tiền lương của người lao động; Việc phạt tiền, trừ lương người lao động (nếu có): Không thực hiện

- Việc theo dõi trả lương cho người lao động của các cai thầu, cơ sở trung gian (nếu có): Không có

- Công ty cung cấp bữa ăn ca miễn phí mức 22.000 đồng/suất cho người lao động.

7. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động: 41 người làm việc ở các vị trí như vận hành máy cắt, vận hành máy tráng, vận hành dây chuyền sợi, kỹ thuật, bốc xếp, vận hành xe nâng hàng.

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm:

+ Có 369 người lao động làm công việc vận hành máy tráng, vận hành dây chuyền sợi, vận hành máy tạo hạt, vận hành máy may công nghiệp, kỹ thuật có đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Có 04 người lao động làm công việc vận hành xe nâng hàng có đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động: Có 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách là ông Trần Văn Mạnh, trình độ chuyên môn là Cử nhân ngành điện tử công nghiệp, đã học và cấp Giấy Chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhóm 2.

- Số người làm công tác y tế: Có 01 người làm công tác y tế là bà Mạc Ánh Ngọc, trình độ là Cử nhân Điều dưỡng đa khoa, đã học và cấp Giấy Chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhóm 5.

- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên: Doanh nghiệp đã thành lập và kiện toàn mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 040102/2021/QĐ-TGD/AVP. Doanh nghiệp đã thực hiện chi trả mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên mức 150,000 đồng/người/tháng.

- Đã lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm và khi xây dựng kế hoạch đã lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở. Nội dung của kế hoạch đảm bảo theo quy định.

- Đã xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; đã phân công người chịu trách nhiệm về kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và công khai kết quả kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho người lao động được biết.

- Việc thực hiện chế độ tự kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động: Theo báo cáo,

doanh nghiệp thực hiện công tác tự kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động định kỳ 06 tháng / lần tại các phân xưởng và lập biên bản kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động của các xưởng sản xuất; đối với máy, thiết bị sản xuất có bảng kiểm tra máy trước khi vận hành và yêu cầu người lao động sử dụng máy tự thực hiện kiểm tra và đánh giá.

- Đã định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng.

- Việc quản lý các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: Doanh nghiệp đang sử dụng 32 máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, gồm: 02 cầu trục (palăng điện), 04 xe nâng hàng, 04 bình chịu áp lực, 04 bình tách dầu, 08 áp kế, 06 thang vận nâng hàng, 01 hệ thống chống sét, 06 hệ thống lạnh, 01 hệ thống đường ống áp lực khí nén. Doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định các máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định. Tuy nhiên, chưa thực hiện khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương theo quy định.

- Việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: Năm 2022, doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện cho 03 người lao động nhóm 2; 334 người lao động nhóm 4. Năm 2023, doanh nghiệp ký hợp đồng huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động với Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương, tổ chức huấn luyện cho 221 người vào tháng 01 (Nhóm 1: 06 người; nhóm 2: 01 người; nhóm 3: 41 người; nhóm 4: 422 người; nhóm 5: 01 người; nhóm 6: 10 người).

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo danh mục nghề: Tùy theo từng vị trí làm việc, doanh nghiệp đã lập sổ cấp phát và trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Việc xây dựng, niêm yết các nội quy, quy trình vận hành các loại máy, thiết bị và biển cảnh báo về an toàn, vệ sinh lao động: Doanh nghiệp đã xây dựng và niêm yết nội quy an toàn máy, thiết bị trong dây chuyền sản xuất. Tại các khu vực tiềm ẩn mỗi nguy hiểm, có hại, doanh nghiệp đã niêm yết biển báo an toàn để cảnh báo mỗi nguy cho người lao động.

- Đo, kiểm tra môi trường tại nơi làm việc: Doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động. Kết quả quan trắc có 08/27 mẫu ồn vượt giới hạn cho phép. Doanh nghiệp đã bổ sung phương tiện bảo hộ lao động đối với khu vực vượt quy định về tiếng ồn.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động trong điều kiện có yếu tố

nguy hiểm, độc hại: Doanh nghiệp đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật (đường) đối với công nhân bộ phận tạo sợi và tạo hạt.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra là 01 vụ tai nạn nặng đối với 01 người lao động. Doanh nghiệp đã thực hiện điều tra và chi trả các chế độ tai nạn lao động cho người lao động bị nạn và khai báo với Sở LĐTBXH theo quy định.

- Việc xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức luyện tập định kỳ: Doanh nghiệp đã xây dựng một số phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp như sự cố cháy, nổ; sự cố tràn đổ hóa chất; sự cố khủng hoảng an ninh nhà máy. Định kỳ doanh nghiệp tổ chức diễn tập phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp khi xảy ra cháy và tràn đổ hóa chất.

- Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố tai nạn lao động.

- Việc khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp:

Năm 2022, doanh nghiệp đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho 550 người lao động và khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các vị trí có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp. Tháng 4/2023, doanh nghiệp đã ký hợp đồng với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm cho 37 người lao động. Dự kiến tháng 6/2023 doanh nghiệp khám sức khỏe định kỳ đối với các lao động còn lại.

- An toàn, vệ sinh lao động trong nhà xưởng:

+ Hệ thống chiếu sáng: Kết quả đo, quan trắc ánh sáng nhà xưởng và khu vực làm việc đạt yêu cầu.

+ Hệ thống thông gió: Kết quả đo, quan trắc tốc độ gió đạt yêu cầu.

+ Việc bố trí bộ phận che chắn cho các bộ phận quay của thiết bị: Các khu vực có truyền động hở được che chắn đầy đủ.

+ Việc bố trí vị trí làm việc của công nhân: Các vị trí làm việc phù hợp với tư thế lao động của người lao động; đã bố trí vị trí làm việc của người lao động tránh các vùng nguy hiểm của máy, thiết bị truyền động trong nhà xưởng.

+ Việc lắp đặt hệ thống còi, đèn tín hiệu cho các thiết bị di chuyển: Có biển cảnh báo khu vực có xe nâng hàng di chuyển tại các vị trí giao cắt, nhà kho, nơi thường xuyên có xe nâng hàng lưu thông qua lại.

+ Vệ sinh công nghiệp nhà xưởng: Khu vực làm việc được vệ sinh sạch sẽ. Khu vực chứa rác thải nguy hại được lưu trữ và niêm yết biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại.

- Đường và cửa thoát hiểm:

+ Đường đi lại của phương tiện vận tải: Đã có biển hướng dẫn đường đi của phương tiện vận tải ra, vào khuôn viên của doanh nghiệp đã kẻ, vẽ các layout phân khu vực làm việc, khu đặt máy và đường đi lại; bố trí các lối thoát hiểm, sơ đồ chỉ dẫn lối thoát hiểm đầy đủ.

- Việc thực hiện an toàn điện: Đã lắp đặt hai hệ thống riêng biệt thiết bị điện chiếu sáng chiếu nhà xưởng và điện động lực. Nhà xưởng, kho hàng của doanh nghiệp có thiết kế, lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng theo quy định. Đã thực hiện nối trung tính vỏ máy, thiết bị sử dụng điện trong doanh nghiệp để đề phòng điện chạm vỏ gây tai nạn về điện cho người lao động. Tại các tủ điện và khu vực có nguy cơ tai nạn điện đã có biển cảnh báo nguy hiểm.

- Việc thực hiện các quy định an toàn trong sử dụng hóa chất: Kho hóa chất đã niêm yết nội quy an toàn hóa chất, hình đồ cảnh báo an toàn; đã có quy trình ứng phó sự cố hóa chất, sơ đồ thoát hiểm; đã trang bị các phương tiện ứng cứu khẩn cấp khi tràn đổ hóa chất như bình chữa cháy, cát, vải, xẻng, thau hút, khay đựng.

8. Lao động đặc thù

1. Các quy định riêng đối với lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật, lao động chưa thành niên.

- Lao động cao tuổi: Doanh nghiệp báo cáo không sử dụng lao động là người cao tuổi.

- Lao động là người khuyết tật: Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Lao động chưa thành niên: Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

- Tổng số lao động nữ: 226 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc đối với lao động nữ làm các công việc nặng nhọc, độc hại: 8h; lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên, nuôi con dưới 12 tháng tuổi: được giảm 01h làm việc, lao động nữ trong thời gian kinh nguyệt: doanh nghiệp trả thêm tiền lương theo công việc mà người lao động đã làm trong thời gian được nghỉ tối đa 90 phút/ tháng/ lao động. Doanh nghiệp quy định

lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7, nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, đi công tác xa.

Những trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp: Doanh nghiệp không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Việc bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ: Doanh nghiệp đã bố trí.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: Doanh nghiệp báo cáo không hỗ trợ.

+ Việc đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản: Theo báo cáo doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

8.2. Đối với lao động là người nước ngoài: Doanh nghiệp không sử dụng lao động là nước ngoài.

9. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đã xây dựng nội quy lao động và đã đăng ký nội quy lao động với sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động:

Hình thức xử lý kỷ luật khiển trách: Công ty có áp dụng hình thức xử lý kỷ luật khiển trách bằng văn bản đối với người lao động vi phạm nội quy lao động. Tổng số có 25 trường hợp xử lý kỷ luật khiển trách bằng văn bản.

Các hình thức xử lý kỷ luật khác (kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng; cách chức; sa thải): không có.

- Việc xử lý kỷ luật bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không có.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không có.

10. Tranh chấp lao động: Số vụ tranh chấp cá nhân và tập thể của doanh nghiệp: Không

11. Bảo hiểm xã hội (BHXH) (số liệu tính tại thời điểm 28/02/2023)

* Tổng số lao động tại đơn vị: 624 người

- Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc: 509 người (Số người đã tham gia: 509 người)

- Số lao động không phải tham gia BHXH bắt buộc và thực hiện các chế độ, chính sách đối với những lao động này: 11 người (Trong đó: Lao động không làm việc và không hưởng lương từ 14 ngày trở lên trong tháng: 01 người, lao động đang nghỉ thai sản: 10 người).

- Số lao động chưa tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 104 người;
- Số lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 509 lao động
- + Mức lương tham gia BHXH năm 2022: Mức lương thấp nhất: 4.244.400 đồng/tháng; Mức cao nhất: 15.500.000 đồng/tháng. Năm 2023: Mức lương thấp nhất: 4.501.200 đồng/tháng; Mức cao nhất: 15.500.000 đồng/tháng
- * Số tiền phải nộp cho cơ quan BHXH:
 - + Năm 2022: Số tiền thừa năm 2021 chuyển sang là 0 đồng, số tiền phải nộp là 9.170.763.017 đồng, số tiền đã nộp 9.170.763.017 đồng, số tiền nộp thừa là 0 đồng;
 - + Năm 2023 (tính đến tháng 02/2023): Số tiền phải nộp là 1.599.963.088 đồng; số tiền đã nộp 1.599.963.088 đồng; số tiền nộp thừa là 0 đồng;
- * Thực hiện các chế độ BHXH đối với người lao động:
 - + Chi ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe năm 2022: 463 lượt người; Số tiền: 969.078.882 đồng;
 - + Chi ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe năm 2023 (từ tháng 01 đến hết tháng 02 năm 2023): 19 lượt người; Số tiền: 195.645.900 đồng.
- * Số sổ BHXH đã được cấp: 509 lao động; Số sổ BHXH chưa được cấp: 0 lao động.
- * Việc trả sổ BHXH cho người lao động: đơn vị đã thực hiện trả sổ BHXH cho người lao động theo quy định.

12. Khiếu nại về lao động:

Số vụ, nguyên nhân và kết quả giải quyết: Theo báo cáo doanh nghiệp không có khiếu nại về pháp luật lao động và bảo hiểm xã hội.

C. KẾT LUẬN

1. Những việc đã làm được

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đã triển khai thực hiện được một số nội dung về pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội sau:

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động; báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động và Báo cáo định kỳ về công tác an toàn - vệ sinh lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý về lao động tại địa phương.

1.2. Không thu phí tuyển dụng người lao động, nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động.

1.3. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề.

1.4. Đã trả lương cho người lao động trong thời gian thử việc đảm bảo ít nhất bằng 85% mức lương của công việc đó.

1.5. Ký kết Hợp đồng lao động với 509 người lao động;

1.6. Đã thực hiện chi trả trợ cấp thôi việc cho 22 trường hợp có thời gian nghỉ thai sản hoặc ốm mà không tham gia BHTN.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở và thực hiện tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc theo quy định

1.8. Đã xây dựng và gửi Thỏa ước lao động tập thể đến Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh;

1.9. Công ty đã xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và công bố công khai tại nơi làm việc trước khi thực hiện.

1.10. Đã phân loại người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động gồm 41 người làm việc ở các vị trí như vận hành máy cắt, vận hành máy tráng, vận hành dây chuyền sợi, kỹ thuật, bốc xếp, vận hành xe nâng hàng.

1.11. Đã phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

1.12. Đã cử 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách đã được huấn luyện và cấp Giấy Chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động nhóm 2.

1.13. Đã bố trí 01 cán bộ làm công tác y tế có trình độ là Cử nhân Điều dưỡng đa khoa.

1.14. Đã thành lập và kiện toàn mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 040102/2021/QĐ-TGD/AVP. Doanh nghiệp đã thực hiện chi trả mức phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên mức 150,000 đồng/người/tháng.

1.15. Đã lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm và khi xây dựng kế hoạch đã lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

1.16. Đã thực hiện chế độ tự kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng.

1.17. Đã tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cho người sử dụng lao động và người lao động theo quy định.

1.18. Doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định 32 máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.19. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.20. Đã xây dựng, niêm yết các nội quy, quy trình vận hành các loại máy, thiết bị và biển cảnh báo về an toàn, vệ sinh lao động.

1.21. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động, kết quả quan trắc có 08/27 mẫu ồn vượt giới hạn cho phép. Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện bảo hộ lao động đối với khu vực vượt quy định về tiếng ồn.

1.22. Đã thực hiện điều tra 01 vụ tai nạn nặng đối với 01 người lao động và chi trả các chế độ tai nạn lao động cho người lao động bị nạn và khai báo với Sở LĐTBXH theo quy định.

1.23. Đã xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức luyện tập định kỳ; Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố tai nạn lao động.

1.24. Đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; đã thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.

1.25. Đã thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động trong nhà xưởng: Đường và cửa thoát hiểm, thực hiện an toàn điện, thực hiện các quy định an toàn trong sử dụng hóa chất theo quy định.

1.26. Đã xây dựng và đăng ký Nội quy lao động với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.27. Đã tham gia BHXH bắt buộc cho 509 lao động.

2. Những quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp còn có tồn tại, vi phạm sau:

2.1. Chưa thực hiện khai báo 32 máy thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

2.2. Doanh nghiệp chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

II. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Yêu cầu người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh:

1.1. Khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động doanh nghiệp phải khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 30 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

1.2. Doanh nghiệp chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại Khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động năm 2019;

2. Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh có trách nhiệm:

- Niêm yết Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của doanh nghiệp ít nhất là 15 ngày liên tục theo quy định;

- Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị tại Kết luận thanh tra bằng văn bản gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan chậm nhất đến ngày 30/6/2023.

3. Giao cho Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Xem xét xử lý vi phạm hành chính về một số hành vi vi phạm pháp luật lao động của doanh nghiệp theo quy định;

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện khắc phục những tồn tại của doanh nghiệp. Kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra đối với Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- UBND tỉnh HD;
- Thanh tra tỉnh HD;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh HD;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- CT Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh;
- Lưu: VT, TTr, HSTTr.

GIÁM ĐỐC

Bùi Thanh Tùng